

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

MỤC LỤC

	Trang
1 . Mục lục	1
2 . Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3 . Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4 . Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5 . Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014	12
6 . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2014	13 - 14
7 . Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014	15 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và các công ty con (gọi chung là Nhóm Công ty) đã được kiểm toán.

Khái quát về Nhóm Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0500313811 ngày 16 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 11 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ và cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 : 115.531.050.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 04 33 545 735

Fax : 04 33 542 280

E-mail :

Mã số thuế : 0500313811

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Sông Đà 11.1	Tiểu khu 6, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Sông Đà 11.5	Phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7	Thôn Tân Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Sông Đà 11.9	Xã Hồ Bốn, huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại miền Nam	Lô 74-76C, KP 3, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp hóa chất, khai khoáng
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
- Xây dựng các công trình: Thủy điện, thủy lợi, giao thông và bưu điện;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp đến 500 KV; xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; xây lắp kết cấu công trình;
- Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
- Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; xây dựng các nhà máy thủy điện;
 - ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
 - ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng;
 - ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
 - ✓ Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, điện chiếu sáng của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
 - ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
 - ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.
 - ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng lắp ráp: Tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và cho các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
 - ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết:
- Hoạt động kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
 - ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm); Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
 - ✓ Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai và bia hộp).

Các Công ty con

Tên Công Ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long	BT3 – Vị trí 24, Khu đô thị mới Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Số 0106408857 ngày 31 tháng 12 năm 2013	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Bản Tin Tốc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Số 5500378582 thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 09 năm 2013	70%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 8 đến trang 50).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Sơn	Chủ tịch	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	21 tháng 4 năm 2010	7 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Văn Ngư	Phó chủ tịch	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Phạm Viết Cường	Ủy viên	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Dương Hoài Nam	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012	
Ông Phạm Lạp	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012	7 tháng 6 năm 2014

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Trưởng ban	19 tháng 12 năm 2014	
Ông Nguyễn Quang Phương	Trưởng ban	24 tháng 6 năm 2013	19 tháng 12 năm 2014
Ông Đặng Xuân Thu	Thành viên	21 tháng 4 năm 2010	
Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	7 tháng 6 năm 2014	
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	29 tháng 4 năm 2010	7 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	24 tháng 11 năm 2011	
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 3 năm 2006	
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 8 năm 2010	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

3815
KIỂM
TOÁN
A &
C
ĐÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Cổ phần Sông Đà 11 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Ngày 19 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 139/2015/BCTC-KTTV-TV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 11, được lập, ngày 19 tháng 03 năm 2015, từ trang 8 đến trang 50, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán 0368-2013-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán 1907-2013-008-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		755.012.218.784	725.335.628.712
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	110.417.623.221	76.062.872.703
1. Tiền	111		110.417.623.221	76.062.872.703
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.566.371.745	18.882.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	23.544.721.745	19.452.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(5.978.350.000)	(570.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		425.186.202.059	397.933.832.432
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	445.546.375.937	375.427.679.090
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	25.244.021.455	25.203.216.279
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	19.868.860.162	6.331.919.791
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(65.473.055.495)	(9.028.982.728)
IV. Hàng tồn kho	140		173.777.938.377	200.463.408.812
1. Hàng tồn kho	141	V.8	173.777.938.377	200.463.408.812
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.064.083.382	31.993.514.765
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	251.795.725	150.664.921
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.235.579.818	3.202.994.040
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	-	273.788.728
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	23.576.707.839	28.366.067.076

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		163.173.954.218	166.617.031.847
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.480.126.711	10.361.936.310
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.12	9.480.126.711	10.361.936.310
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		149.817.759.110	147.404.880.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	112.402.625.837	119.590.811.720
<i>Nguyên giá</i>	222		201.011.473.236	194.814.908.864
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(88.608.847.399)	(75.224.097.144)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	6.633.504.823	5.299.591.625
<i>Nguyên giá</i>	228		8.334.150.660	6.827.290.426
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.700.645.837)	(1.527.698.801)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	30.781.628.450	22.514.477.197
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	5.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	-	5.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.876.068.397	3.295.214.995
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	3.788.520.072	3.254.646.072
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	75.998.325	30.068.923
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	11.550.000	10.500.000
VI. Lợi thế thương mại	269	V.20	-	555.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		918.186.173.002	891.952.660.559

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		628.185.103.446	642.589.938.209
I. Nợ ngắn hạn	310		562.990.912.362	593.951.283.191
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	172.161.965.284	162.361.768.611
2. Phải trả người bán	312	V.22	157.249.084.648	186.942.543.532
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	80.196.494.492	63.154.286.617
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	40.270.918.408	42.984.827.543
5. Phải trả người lao động	315		28.932.796.581	28.923.652.926
6. Chi phí phải trả	316	V.25	16.279.996.201	40.632.564.292
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	67.044.463.907	66.994.026.829
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	855.192.841	1.957.612.841
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		65.194.191.084	48.638.655.018
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.28	15.262.580.255	21.698.897.441
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.29	2.000.000.000	2.058.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.30	43.647.365.018	23.478.393.197
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.31	4.081.995.811	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.32	202.250.000	1.403.364.380
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		278.501.069.556	248.162.722.350
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.33	278.501.069.556	248.162.722.350
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42.566.527.623	42.587.700.408
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(128.058.585)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		60.587.870.009	59.923.331.575
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.687.043.531	7.799.043.531
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		51.128.578.393	22.449.655.421
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.34	11.500.000.000	1.200.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		918.186.173.002	891.952.660.559

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.35	8.092.639.768	8.092.639.768
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		5.779,88	482,01
Kip Lào (LAK)		500.000,00	500.001,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Đỗ Văn Trà

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2015



Trưởng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.344.829.921.454	870.840.352.763
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		384.619.738	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.344.445.301.716	870.840.352.763
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.125.086.416.698	755.640.140.430
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		219.358.885.018	115.200.212.333
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.888.995.815	1.786.248.263
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.556.270.943	27.342.421.344
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.572.446.781	21.264.805.958
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	124.954.148.409	68.391.657.392
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		66.737.461.481	21.252.381.860
11. Thu nhập khác	31	VI.6	496.928.438	2.770.665.935
12. Chi phí khác	32	VI.7	9.645.160.176	3.512.726.201
13. Lợi nhuận khác	40		(9.148.231.738)	(742.060.266)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	841.717.654
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.589.229.743	21.352.039.248
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		12.658.091.739	6.015.054.138
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	(45.929.402)	(30.068.923)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>44.977.067.406</u>	<u>15.367.054.033</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		44.977.067.406	15.367.054.033
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>3.893</u>	<u>1.331</u>

Người lập biểu

Đỗ Văn Trà

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2015



Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	57.589.229.743	21.352.039.248
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	15.518.151.745	13.475.195.840
- Các khoản dự phòng	03	61.852.422.767	8.021.488.296
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(97.022)	(7.344.377)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(269.940.216)	3.018.614.963
- Chi phí lãi vay	06	19.572.446.781	21.264.805.958
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	154.262.213.798	67.124.799.928
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(76.490.520.608)	(9.061.039.105)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	26.685.470.435	(65.429.746.364)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(32.021.484.416)	54.355.459.341
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(635.004.804)	571.790.741
- Tiền lãi vay đã trả	13	(19.091.876.064)	(21.265.849.238)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.122.150.212)	(6.713.829.089)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.399.213.167	2.273.398.117
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.484.233.167)	(1.147.045.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.501.628.129	20.707.939.331
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(27.685.585.493)	(9.455.395.116)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	252.527.273	944.485.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(795.721.745)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	17.858.750.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.479.488	2.448.350.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.153.300.477)	11.796.189.975

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		106.885.800		
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		442.043.204.963		284.115.374.813
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(412.074.036.469)		(276.091.497.100)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.069.728.450)		(17.211.045.250)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>16.006.325.844</i>		<i>(9.187.167.537)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		34.354.653.496		23.316.961.769
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	76.062.872.703		52.761.033.956
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		97.022		(15.123.022)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	110.417.623.221		76.062.872.703

Người lập biểu

Đỗ Văn Trà

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Nhóm Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, Xây dựng
- Ngành nghề kinh doanh** :
 - Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
 - Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
 - Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
 - Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
 - Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
 - Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng.
- Tổng số các Công ty con** 02
Trong đó:
Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 02

6. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông	Bản Tin Tộc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	65,28%	70%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhóm Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty từ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định cho từng công trình như sau:

- Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{cuối năm} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang đầu năm} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh phát} \\ \text{sinh trong năm} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{trong năm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn hàng bán trong} \\ \text{năm} \end{array} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \begin{array}{r} \text{Doanh thu ghi nhận trong} \\ \text{năm} \end{array}$$

- Đối với các công trình khác:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Riêng máy móc thiết bị của nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Nhóm Công ty và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Nhóm Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

00
ANH
TY
HỮU
HÀ
TI
C
N
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí bóc phủ khai thác mỏ đá

Chi phí bóc phủ khai thác bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh Sông Đà 11.7 trước khi Chi nhánh chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Chi nhánh này bắt đầu hoạt động khai thác đá.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Trợ cấp thôi việc

Nhóm Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Nhóm Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Nhóm Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Nhóm Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty gồm các nhóm: các khoản phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Nhóm Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Nhóm Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.016.894.261	1.091.246.581
Tiền gửi ngân hàng	108.400.728.960	74.971.626.122
Cộng	110.417.623.221	76.062.872.703

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		22.749.000.000		19.452.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	1.500.000	15.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	595.200	5.952.000.000	595.200	5.952.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	179.700	1.797.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2			150.000	1.500.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		795.721.745		
Cho Công ty Cổ phần điện Việt Lào vay với lãi suất 10%/năm		795.721.745		
Cộng		23.544.721.745		19.452.000.000

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty Tài chính Sông Đà tăng theo Nghị quyết số 27CT-NQ-HĐTV ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long về việc phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà thì Hội đồng thành viên ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty tìm kiếm các đối tác, các cổ đông lớn của Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà phương án thoái vốn như sau: tìm kiếm các đối tác, các cổ đông lớn của Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà (gồm cả Tổng công ty Sông Đà và các đơn vị trong nội bộ Tổng công ty) để chuyển nhượng lại phần vốn đã góp, đàm phán mức giá chuyển nhượng, ký kết hợp đồng và hoàn thành việc chuyển nhượng trước ngày 31/12/2014 theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Đến hết thời điểm ngày 31/12/2014 Công ty vẫn đang tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng nên khoản đầu tư này được phân loại sang "Đầu tư ngắn hạn".
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2: giảm do bán 150.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 1.714.200.000 VND.
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội: giảm do bán 20.300 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 203.430.000 VND

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	570.000.000	780.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	5.408.350.000	(210.000.000)
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	5.978.350.000	570.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về khối lượng xây lắp	410.716.590.861	349.891.040.248
Phải thu về cung cấp điện, nước	11.261.044.125	6.054.422.856
Phải thu tiền bán thành phẩm	1.494.152.459	6.907.525.459
Phải thu tiền khác	22.074.588.492	12.574.690.527
Cộng	<u>445.546.375.937</u>	<u>375.427.679.090</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về khối lượng xây lắp	13.598.814.699	14.584.388.324
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	9.163.692.386	9.804.648.809
Trả trước cho nhà cung cấp điện	246.873.642	225.496.340
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	2.234.640.728	588.682.806
Cộng	<u>25.244.021.455</u>	<u>25.203.216.279</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	695.750.000	695.750.000
Phải thu người lao động	2.423.325.788	1.789.623.579
Phải thu các khoản đã trả hộ chủ đầu tư chưa quyết toán	6.817.394.442	1.237.484.178
Phải thu các đội công trình	4.014.830.461	895.252.841
Tiền đền bù do mất vật tư	2.980.609.195	330.651.004
Phải thu tiền điện		143.471.400
BĐH DA thủy điện Hòa Bình	417.175.618	399.227.449
Phải thu Sở tài chính tiền thuê đất được giảm	471.376.762	
Tiền điện sản xuất	165.102.920	
Các khoản phải thu khác	1.883.294.976	840.459.340
Cộng	<u>19.868.860.162</u>	<u>6.331.919.791</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	9.028.982.728	797.494.432
Trích lập dự phòng bổ sung	56.444.072.767	8.231.488.296
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	<u>65.473.055.495</u>	<u>9.028.982.728</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường		3.819.360.085
Nguyên liệu, vật liệu	22.972.115.143	19.503.894.122
Công cụ, dụng cụ	6.570.790.870	1.425.214.339
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	144.235.032.364	175.196.786.092
Thành phẩm		518.154.174
Cộng	<u>173.777.938.377</u>	<u>200.463.408.812</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	251.795.725	53.609.182
Chi phí sửa chữa tài sản		36.754.545
Chi phí bảo hiểm tài sản		60.301.194
Cộng	<u>251.795.725</u>	<u>150.664.921</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	23.480.907.839	24.595.417.213
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.800.000	10.250.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	50.000.000	3.760.399.863
Cộng	<u>23.576.707.839</u>	<u>28.366.067.076</u>

12. Phải thu dài hạn của khách hàng

Là các khoản phải thu dài hạn về khối lượng xây lắp thực hiện.

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	83.221.970.194	77.601.002.156	32.984.624.095	1.007.312.419	194.814.908.864
Tăng trong năm		7.257.238.016	1.777.195.036	31.690.909	9.066.123.961
- Mua sắm mới		7.257.238.016	1.777.195.036	31.690.909	9.066.123.961
Giảm trong năm		803.764.522	2.065.795.067		2.869.559.589
- Thanh lý, nhượng bán		803.764.522	2.065.795.067		2.869.559.589
Số cuối năm	<u>83.221.970.194</u>	<u>84.054.475.650</u>	<u>32.696.024.064</u>	<u>1.039.003.328</u>	<u>201.011.473.236</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	413.956.007	7.315.689.045	11.568.461.631	226.832.417	19.524.939.100
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.607.053.667	30.932.991.508	22.979.728.031	704.323.938	75.224.097.144
Tăng trong năm	4.287.436.899	8.279.482.138	2.606.224.253	172.061.418	15.345.204.709
- Khấu hao trong năm	4.287.436.899	8.279.482.138	2.606.224.253	172.061.418	15.345.204.709
Giảm trong năm		563.100.967	1.397.353.487		1.960.454.454
- Thanh lý, nhượng bán		563.100.967	1.397.353.487		1.960.454.454
Số cuối năm	<u>24.894.490.566</u>	<u>38.649.372.679</u>	<u>24.188.598.797</u>	<u>876.385.356</u>	<u>88.608.847.399</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	62.614.916.527	46.668.010.648	10.004.896.064	302.988.481	119.590.811.720
Số cuối năm	<u>58.327.479.628</u>	<u>45.405.102.971</u>	<u>8.507.425.267</u>	<u>162.617.972</u>	<u>112.402.625.837</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 117.478.778.269 VND và 29.745.393.448 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Lợi thế kinh doanh	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.097.820.000	729.470.426	1.000.000.000	6.827.290.426
Tăng trong năm	1.506.860.234			1.506.860.234
- Mua trong năm	1.506.860.234			1.506.860.234
Giảm trong năm				
Số cuối năm	6.604.680.234	729.470.426	1.000.000.000	8.334.150.660
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		644.365.462	883.333.339	1.527.698.801
Tăng trong năm		72.947.040	99.999.996	172.947.036
- Khấu hao trong năm		72.947.040	99.999.996	172.947.036
Giảm trong năm				
Số cuối năm		717.312.502	983.333.335	1.700.645.837
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.097.820.000	85.104.964	116.666.661	5.299.591.625
Số cuối năm	6.604.680.234	12.157.924	16.666.665	6.633.504.823

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
XDCB dở dang	22.238.199.759	15.999.417.469		7.582.308.778	30.655.308.450
Công trình nhà máy thủy điện To Bông	14.478.807.340	15.969.144.742			30.447.952.082
Công trình nhà văn phòng kho xưởng chi nhánh	177.083.641	30.272.727			207.356.368
Dự án KDC Vĩnh Thanh - Phú Thạnh	5.991.951.013			5.991.951.013	
Dự án KDC Phương Lâm - Hòa Bình	1.590.357.765			1.590.357.765	
Sửa chữa lớn TSCĐ	276.277.438	861.608.187	967.143.313	44.422.312	126.320.000
Số cuối năm	22.514.477.197	16.861.025.656	967.143.313	7.626.731.090	30.781.628.450

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				5.000.000.000
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà</i>			500.000	5.000.000.000
Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác: Xem thuyết minh V.2				

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Chi phí CCDC	1.205.096.282	3.693.209.298	2.132.980.845	110.963.750	2.654.360.985
Chi phí bóc phủ	655.818.179		327.909.092		327.909.087
Chi phí sửa chữa	362.481.611		362.481.611		
Thương hiệu Sông	687.500.000		150.000.000		537.500.000
Lợi thế thương mại	343.750.000		75.000.000		268.750.000
Cộng	3.254.646.072	3.693.209.298	3.048.371.548	110.963.750	3.788.520.072

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thu nhập bán thanh lý tài sản trong nội bộ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	30.068.923	
Số phát sinh	45.929.402	30.068.923
Số hoàn nhập		
Số cuối năm	75.998.325	30.068.923

19. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản kí quỹ kí cược dài hạn

22. Lợi thế thương mại

	Năm nay	Năm trước
Nguyên giá		
Số đầu năm	3.700.000.000	3.700.000.000
Tăng trong năm		
Giảm trong năm		
Số cuối năm	3.700.000.000	3.700.000.000
Số đã phân bổ		
Số đầu năm	3.145.000.000	2.405.000.000
Phân bổ trong năm	555.000.000	740.000.000
Số cuối năm	3.700.000.000	3.145.000.000
Giá trị còn lại	555.000.000	1.295.000.000
Số cuối năm	555.000.000	555.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	158.229.265.284	150.913.262.867
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	40.112.242.238	30.635.313.519
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ	6.222.516.145	5.889.887.190
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	111.894.506.901	105.182.380.844
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô		9.205.681.314
Vay dài hạn đến hạn trả	13.932.700.000	11.448.505.744
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô	8.830.000.000	8.830.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	1.473.600.000	1.636.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	2.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	1.045.100.000	856.013.936
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	584.000.000	126.491.808
Cộng	<u>172.161.965.284</u>	<u>162.361.768.611</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	162.361.768.611	147.169.454.836
Số tiền vay phát sinh	407.168.119.230	279.835.305.131
Kết chuyển từ vay dài hạn	13.932.700.000	11.448.505.744
Tăng do nhận sáp nhập		4.866.841.550
Số tiền vay đã trả	(411.300.622.557)	(276.091.497.100)
Giảm do thanh lý Công ty con		(4.866.841.550)
Số cuối năm	<u>172.161.965.284</u>	<u>162.361.768.611</u>

22. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp vật tư, TB, CCDC	65.489.731.676	73.747.580.464
Phải trả nhà cung cấp điện	3.093.165.480	265.426.567
Phải trả nhà thầu xây lắp	83.685.249.562	105.556.103.346
Phải trả nhà cung cấp khác	4.980.937.930	7.373.433.155
Cộng	<u>157.249.084.648</u>	<u>186.942.543.532</u>

23. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	79.892.521.937	62.984.788.217
Các khoản trả trước khác	303.972.555	169.498.400
Cộng	<u>80.196.494.492</u>	<u>63.154.286.617</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	31.087.470.620	56.118.867.535	66.050.255.078		21.156.083.077
Thuế TNDN tại Công ty mẹ ^(*)	(273.788.728)	7.108.259.279	230.866.602		6.603.603.949
Thuế TNDN tại các Công ty con	7.126.449.388	5.549.832.460	3.760.825.631	5.681.595	8.909.774.622
Thuế TNDN do nhập sáp nhập	130.457.979		130.457.979		
Thuế thu nhập cá nhân	2.288.455.504	1.041.459.327	1.359.162.399		1.970.752.432
Thuế tài nguyên	827.942.106	1.589.167.689	2.110.543.509		306.566.286
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	77.025.614	94.319.566	171.199.979		145.201
Phí bảo vệ môi trường	1.215.795.517	695.632.950	1.123.418.428		788.010.039
Các loại thuế khác	108.654.445	24.000.000	24.000.000		108.654.445
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	122.576.370	684.810.188	380.058.201		427.328.357
Cộng	42.711.038.815	72.906.348.994	75.340.787.806	5.681.595	40.270.918.408

^(*)Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư	10%
Hoạt động khác như nước sạch	5%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 3, điều 38 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp; Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và thực hiện tại địa bàn quy định tại Danh mục B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 03 năm kể từ năm 2012 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.589.229.743	21.352.039.248
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	10.309.309.406	4.331.503.359
- Các khoản điều chỉnh tăng	18.204.851.729	10.018.524.899
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	9.875.427.173	3.391.374.899

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền		15.123.022
Hủy hoàn nhập dự phòng giảm giá CK công ty liên		463.456.640
Lỗi thanh lý công ty liên kết		5.271.893.414
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ giao dịch nội bộ	274.424.556	136.676.924
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	555.000.000	740.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	7.500.000.000	
Kết chuyển lỗ do nhận sáp nhập		7.660.114.470
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.895.542.323)	(5.687.021.540)
Doanh thu đã nộp thuế TNDN trong năm	(380.419.301)	
Lãi trong Công ty liên kết		(841.717.654)
Lỗ do chuyển nhượng cổ phần nội bộ		(2.450.000.000)
Lợi nhuận được chia	(7.500.000.000)	
Cổ tức bằng cổ phiếu đã thực hiện		(1.880.000.000)
Hoàn chi phí trích trước bị loại năm trước do đã có chứng từ hợp lệ		(75.500.000)
Thu nhập đã nộp thuế năm trước		(427.149.907)
Chi phí khác	(15.123.022)	(12.653.979)
Thu nhập chịu thuế	67.898.539.149	25.683.542.607
Thu nhập từ dự án thủy điện Thác Trắng	11.903.984.877	11.191.964.282
Thu nhập từ các hoạt động khác	55.994.554.272	22.151.692.795
Lỗ các năm trước được chuyển		(7.660.114.470)
Thu nhập tính thuế	67.898.539.149	25.683.542.607
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	14.937.678.613	6.420.885.652
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(2.618.876.673)	(2.797.991.071)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.318.801.940	3.622.894.581
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	339.289.799	2.392.159.557
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	12.658.091.739	6.015.054.138

Thuế tài nguyên

Nhóm Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ, hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 4%/ giá tính thuế.

Các loại thuế khác

Nhóm kê khai và nộp theo qui định.

25. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí các công trình	12.208.206.095	39.537.659.233
Chi phí chưa có hóa đơn	3.204.114.599	470.845.724
Phải trả tiền thuê văn phòng, thuê xe, thuê đất, thuê		236.954.545
Chi phí lãi vay phải trả	867.675.507	387.104.790
Cộng	16.279.996.201	40.632.564.292

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	3.017.210.481	
Kinh phí công đoàn	2.080.731.246	2.737.205.296
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.418.902.217	6.330.730.211
Phải trả các đội tiền khoán công trình	38.690.081.153	43.542.540.939
Các quỹ phong trào	574.619.025	
Nhân ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	954.921.701	817.208.681
Cổ tức phải trả các cổ đông	804.000.973	1.214.923.423
Phải trả Jurong Engineering Limited	2.112.966.780	2.112.966.780
Các khoản chi hộ chủ đầu tư	1.323.352.980	
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	1.993.188.846	1.778.377.822
Các khoản phải trả CBNV	9.930.663.236	
Các khoản phải trả phải nộp khác	2.121.325.269	6.437.573.677
Cộng	<u>67.044.463.907</u>	<u>66.994.026.829</u>

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	138.884.066	888.000.000	1.165.540.000	(138.655.934)
Quỹ phúc lợi	1.818.728.775		824.880.000	993.848.775
Cộng	<u>1.957.612.841</u>	<u>888.000.000</u>	<u>1.990.420.000</u>	<u>855.192.841</u>

28. Phải trả dài hạn người bán

Là khoản phải trả dài hạn về khối lượng xây lắp hoàn thành.

29. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.000.000.000	1.058.000.000
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.058.000.000</u>

30. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	43.647.365.018	23.478.393.197
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên</i>		
Hợp đồng tín dụng 02/2004/HĐ-TĐH ⁽¹⁾	3.312.123.867	11.412.123.867
Hợp đồng tín dụng 03/2007/HĐ ⁽²⁾	1.114.423.039	1.844.423.039
Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ⁽³⁾	29.954.997.644	
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đô</i>		
Hợp đồng tín dụng 01/2012/HĐTD		153.600.000
Hợp đồng tín dụng 02/2012/HĐTD ⁽⁴⁾	5.239.862.697	6.559.862.697

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội

Hợp đồng tín dụng 207-01.07.10/HĐTĐ 84.327.848

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công

Hợp đồng tín dụng số 01/2013/TH/SDTL⁽⁵⁾ 2.189.869.682 3.424.055.746

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung

Hợp đồng tín dụng số 31/2014/HĐTDDA⁽⁶⁾ 1.032.210.436

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây

Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTĐ⁽⁷⁾ 803.877.653

Cộng 43.647.365.018 23.478.393.197

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/09/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của DA Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.

(3) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Điện Biên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTĐ ngày 12/10/2013, tổng số tiền vay 136.270.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư, xây dựng dự án do Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông đầu tư. Lãi suất bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay cộng phí tối thiểu 5%/năm và được điều chỉnh linh hoạt theo từng thời kỳ. Thời hạn vay 180 tháng trong đó thời gian ân hạn 24 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên.

(4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTĐ, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/TH/SDTL ngày 13 tháng 09 năm 2013 để mua máy móc thiết bị thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2013”. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và xe ô tô đã qua sử dụng theo hợp đồng thế chấp số 01/2013/TH/SDTL ngày 12/09/2013, giá trị định giá là 8.210.000.000 VND. Lãi suất thả nổi từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành Công.

(6) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hợp đồng tín dụng số 31/2014/HĐTDDA ngày 13 tháng 10 năm 2014 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp 2014”. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 12.025.989.171 VND và 10.805.753.438 VND. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 1 tháng/lần.

12/12/14
11/12/14
10/12/14
09/12/14
08/12/14
07/12/14
06/12/14
05/12/14
04/12/14
03/12/14
02/12/14
01/12/14
30/11/14
29/11/14
28/11/14
27/11/14
26/11/14
25/11/14
24/11/14
23/11/14
22/11/14
21/11/14
20/11/14
19/11/14
18/11/14
17/11/14
16/11/14
15/11/14
14/11/14
13/11/14
12/11/14
11/11/14
10/11/14
09/11/14
08/11/14
07/11/14
06/11/14
05/11/14
04/11/14
03/11/14
02/11/14
01/11/14
31/10/14
30/10/14
29/10/14
28/10/14
27/10/14
26/10/14
25/10/14
24/10/14
23/10/14
22/10/14
21/10/14
20/10/14
19/10/14
18/10/14
17/10/14
16/10/14
15/10/14
14/10/14
13/10/14
12/10/14
11/10/14
10/10/14
09/10/14
08/10/14
07/10/14
06/10/14
05/10/14
04/10/14
03/10/14
02/10/14
01/10/14
30/09/14
29/09/14
28/09/14
27/09/14
26/09/14
25/09/14
24/09/14
23/09/14
22/09/14
21/09/14
20/09/14
19/09/14
18/09/14
17/09/14
16/09/14
15/09/14
14/09/14
13/09/14
12/09/14
11/09/14
10/09/14
09/09/14
08/09/14
07/09/14
06/09/14
05/09/14
04/09/14
03/09/14
02/09/14
01/09/14
31/08/14
30/08/14
29/08/14
28/08/14
27/08/14
26/08/14
25/08/14
24/08/14
23/08/14
22/08/14
21/08/14
20/08/14
19/08/14
18/08/14
17/08/14
16/08/14
15/08/14
14/08/14
13/08/14
12/08/14
11/08/14
10/08/14
09/08/14
08/08/14
07/08/14
06/08/14
05/08/14
04/08/14
03/08/14
02/08/14
01/08/14
31/07/14
30/07/14
29/07/14
28/07/14
27/07/14
26/07/14
25/07/14
24/07/14
23/07/14
22/07/14
21/07/14
20/07/14
19/07/14
18/07/14
17/07/14
16/07/14
15/07/14
14/07/14
13/07/14
12/07/14
11/07/14
10/07/14
09/07/14
08/07/14
07/07/14
06/07/14
05/07/14
04/07/14
03/07/14
02/07/14
01/07/14
31/06/14
30/06/14
29/06/14
28/06/14
27/06/14
26/06/14
25/06/14
24/06/14
23/06/14
22/06/14
21/06/14
20/06/14
19/06/14
18/06/14
17/06/14
16/06/14
15/06/14
14/06/14
13/06/14
12/06/14
11/06/14
10/06/14
09/06/14
08/06/14
07/06/14
06/06/14
05/06/14
04/06/14
03/06/14
02/06/14
01/06/14
31/05/14
30/05/14
29/05/14
28/05/14
27/05/14
26/05/14
25/05/14
24/05/14
23/05/14
22/05/14
21/05/14
20/05/14
19/05/14
18/05/14
17/05/14
16/05/14
15/05/14
14/05/14
13/05/14
12/05/14
11/05/14
10/05/14
09/05/14
08/05/14
07/05/14
06/05/14
05/05/14
04/05/14
03/05/14
02/05/14
01/05/14
31/04/14
30/04/14
29/04/14
28/04/14
27/04/14
26/04/14
25/04/14
24/04/14
23/04/14
22/04/14
21/04/14
20/04/14
19/04/14
18/04/14
17/04/14
16/04/14
15/04/14
14/04/14
13/04/14
12/04/14
11/04/14
10/04/14
09/04/14
08/04/14
07/04/14
06/04/14
05/04/14
04/04/14
03/04/14
02/04/14
01/04/14
31/03/14
30/03/14
29/03/14
28/03/14
27/03/14
26/03/14
25/03/14
24/03/14
23/03/14
22/03/14
21/03/14
20/03/14
19/03/14
18/03/14
17/03/14
16/03/14
15/03/14
14/03/14
13/03/14
12/03/14
11/03/14
10/03/14
09/03/14
08/03/14
07/03/14
06/03/14
05/03/14
04/03/14
03/03/14
02/03/14
01/03/14
31/02/14
30/02/14
29/02/14
28/02/14
27/02/14
26/02/14
25/02/14
24/02/14
23/02/14
22/02/14
21/02/14
20/02/14
19/02/14
18/02/14
17/02/14
16/02/14
15/02/14
14/02/14
13/02/14
12/02/14
11/02/14
10/02/14
09/02/14
08/02/14
07/02/14
06/02/14
05/02/14
04/02/14
03/02/14
02/02/14
01/02/14
31/01/14
30/01/14
29/01/14
28/01/14
27/01/14
26/01/14
25/01/14
24/01/14
23/01/14
22/01/14
21/01/14
20/01/14
19/01/14
18/01/14
17/01/14
16/01/14
15/01/14
14/01/14
13/01/14
12/01/14
11/01/14
10/01/14
09/01/14
08/01/14
07/01/14
06/01/14
05/01/14
04/01/14
03/01/14
02/01/14
01/01/14

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(7) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2014/HĐTD ngày 14/05/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2014

Kỳ hạn thanh toán vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	13.932.700.000	11.448.505.744
Trên 1 năm đến 5 năm	13.692.367.374	23.478.393.197
Trên 5 năm	29.954.997.644	
Cộng	57.580.065.018	34.926.898.941

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	23.478.393.197	30.646.829.259
Số tiền vay phát sinh	34.875.085.733	4.280.069.682
Số tiền vay đã trả	(773.413.912)	
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(13.932.700.000)	(11.448.505.744)
Số cuối năm	43.647.365.018	23.478.393.197

31. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng bảo hành các công trình xây lắp

	Năm nay
Số đầu năm	4.081.995.811
Tăng do trích lập trong năm	
Số đã sử dụng trong năm	
Số cuối năm	4.081.995.811

32. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện của dịch vụ xây dựng, lắp đặt		1.201.114.380
Phí ủy thác góp vốn đầu tư	202.250.000	202.250.000
Cộng	202.250.000	1.403.364.380

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông, thành viên	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	42.566.527.623	42.587.700.408
Cổ phiếu quỹ		(128.058.585)
Cộng	158.097.577.623	157.990.691.823

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	14.069.728.450	11.586.957.975
Tạm ứng cổ tức		
Cộng	<u>14.069.728.450</u>	<u>11.586.957.975</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.553.105	11.553.105
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		5.100
- Cổ phiếu phổ thông		5.100
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.548.005
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.548.005
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

34 Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.200.000.000	56.393.251.497
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		
Tăng do thay đổi tỷ lệ lợi ích	10.300.000.000	
Giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích		(54.756.148.990)
Giảm do chia quỹ khen thưởng, phúc lợi		(437.102.507)
Số cuối năm	<u>11.500.000.000</u>	<u>1.200.000.000</u>

35 Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.092.639.768	8.092.639.768
Nợ khó đòi đã xử lý		
Nợ khó đòi đã được thu hồi được		
Số cuối năm	<u>8.092.639.768</u>	<u>8.092.639.768</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.344.829.921.454	870.840.352.763
- Doanh thu bán hàng hóa	1.913.560.182	
- Doanh thu bán điện thương phẩm	23.878.428.960	23.317.142.925
- Doanh thu hoạt động xây dựng	1.184.226.836.054	755.292.815.375
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	134.811.096.258	92.230.394.463
Các khoản giảm trừ doanh thu:	384.619.738	
- Giảm giá hàng bán	384.619.738	
Doanh thu thuần	<u>1.344.445.301.716</u>	<u>870.840.352.763</u>

Trong đó:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.913.560.182	
- Doanh thu bán điện thương phẩm	23.878.428.960	23.317.142.925
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	1.184.226.836.054	755.292.815.375
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	134.426.476.520	92.230.394.463

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.838.140.141	
Giá vốn của điện thương phẩm	8.068.222.765	7.644.624.014
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	999.036.915.962	679.938.615.433
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	116.143.137.830	68.056.900.983
Cộng	<u>1.125.086.416.698</u>	<u>755.640.140.430</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	543.090.085	308.233.911
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	214.630.000	
Phí bảo lãnh	754.333.563	670.746.045
Lãi tài khoản ký quỹ		5.638.599
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	97.022	7.344.377
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	301.365.657	25.420.513
Lãi thu cho vay	75.479.488	768.864.818
Cộng	<u>1.888.995.815</u>	<u>1.786.248.263</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	19.572.446.781	21.264.805.958
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.921	4.971.239
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác		3.963.100.054
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	5.408.350.000	(210.000.000)
Chi phí bảo lãnh	3.987.620.706	2.135.820.955
Chi phí tài chính khác	587.845.535	183.723.138
Cộng	<u>29.556.270.943</u>	<u>27.342.421.344</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	41.205.711.783	36.085.938.032
Chi phí vật liệu quản lý	3.706.514.449	3.886.442.718
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.466.390.341	1.050.132.591
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.171.835.128	3.197.388.029
Thuế, phí và lệ phí	576.554.643	1.507.512.336
Chi phí dự phòng	56.444.072.767	7.400.800.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.906.355.196	10.304.085.969
Phân bổ lợi thế thương mại	555.000.000	
Chi phí bằng tiền khác	11.921.714.102	4.959.357.195
Cộng	<u>124.954.148.409</u>	<u>68.391.657.392</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	252.527.273	944.485.091
Các khoản nợ không xác định được chủ	56.748.533	
Thu từ cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư		826.671.581
Thu nhập từ cho thuê tài sản		132.143.872
Hoàn nhập các quỹ		706.986.698
Thu nhập khác	187.652.632	160.378.693
Cộng	<u>496.928.438</u>	<u>2.770.665.935</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	58.066.545	
Tiền phạt phạt thuế, phạt vi phạm hành chính, phạt	3.078.626.120	3.217.250.972
Tồn thất dự án đầu tư	5.158.605.425	
Phạt do vi phạm hợp đồng		114.376.974
Chi phí mất vật tư	1.222.283.347	
Chi phí khác	127.578.739	181.098.255
Cộng	<u>9.645.160.176</u>	<u>3.512.726.201</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	44.977.067.406	15.367.054.033
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.977.067.406	15.367.054.033
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.553.105	11.548.005
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.893</u>	<u>1.331</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.548.005	7.991.797
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	5.100	3.556.208
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>11.553.105</u>	<u>11.548.005</u>

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	319.015.066.166
Chi phí nhân công	365.626.960.582
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.437.010.560
Chi phí dịch vụ mua ngoài	449.199.327.201
Chi phí khác	112.189.423.892
Cộng	<u>1.260.467.788.401</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.951.701.591	1.089.267.076
Phụ cấp	248.000.000	288.000.000
Cộng	<u>2.199.701.591</u>	<u>1.377.267.076</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Các Công ty của Tổng Công ty Sông Đà	Công ty cùng tập đoàn

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Nhóm Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Sông Đà		
Giao dịch bán hàng		
Doanh thu xây lắp thực hiện	19.559.809.213	1.125.374.183
Thuế GTGT	1.955.980.922	112.537.418
Giao dịch mua hàng		
Phải trả tiền thuê kho, mua dịch vụ	141.000.249	82.958.340
Ứng trước tiền thi công công trình xây lắp		14.025.450.017
Phải trả tiền phí bảo lãnh tiền ứng		114.084.309
Tiền cổ tức phải trả	150.000.000	150.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Ban điều hành dự án thủy điện Lai Châu***

Giao dịch bán hàng		
Doanh thu xây lắp	38.364.170.248	46.557.185.766
Thuế GTGT	3.836.417.025	3.879.838.322

Công ty Cổ phần Sông Đà 4

Doanh thu bán điện, nước	10.796.392.962	4.484.063.245
Thuế GTGT	65.010.963	29.793.929
Giao dịch mua hàng		
Giá vốn thuê máy		41.028.302
Thuế GTGT		153.100

Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Giao dịch bán hàng		
Doanh thu bán điện, nước	9.646.184.677	
Thuế GTGT	964.618.468	
Giao dịch mua hàng		
Giá vốn thuê máy và mua vật tư	4.580.540	810.490.498
Thuế GTGT	458.054	81.049.051

Công ty Cổ phần Sông Đà 6

Doanh thu bán điện, nước	32.988.979.616	4.661.298.987
Thuế GTGT	145.646.900	427.517.053
Giao dịch mua hàng		
Giá vốn dịch vụ được cung cấp		1.976.773
Thuế GTGT đầu vào		197.677

Công ty Cổ phần Sông Đà 7

Doanh thu bán điện	5.518.497.271	474.022.761
Thuế GTGT	551.849.727	54.220.458

Công ty Cổ phần Sông Đà 8

Doanh thu bán điện	12.604.680	
Thuế GTGT	1.260.468	

Công ty Cổ phần Sông Đà 9

Giao dịch bán hàng		
Doanh thu bán điện, nước	1.337.462.088	2.277.989.440
Thuế GTGT	18.740.613	143.907.442
Giao dịch mua hàng		
Giá vốn thuê máy và mua vật tư	23.181.345	571.194.409
Thuế GTGT	2.318.135	49.947.551

Công ty Cổ phần Sông Đà 10

Doanh thu bán điện, nước	6.682.655.785	1.750.937.434
Thuế GTGT	136.938.691	116.631.642

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Công ty Cổ phần Sông Đà 12**

Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.816.787	
Giá vốn xây lắp hoàn thành		2.000.465.683
Thuế GTGT		200.046.568

Công ty Cổ phần Thủy điện Nà Loi

Giá vốn thuê truyền tải	130.618.489	
Thuế GTGT	13.061.849	

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến

Doanh thu bán điện	133.910.578	327.333.756
Thuế GTGT	13.391.058	32.733.376

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Giao dịch bán hàng		
Doanh thu bán điện, nước	181.714.062	85.339.266
Thuế GTGT	11.216.571	6.367.230
Giao dịch mua hàng		
Giá vốn thí nghiệm công trình	81.686.139	619.952.276
Thuế GTGT	8.168.614	61.995.227

Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7

Doanh thu xây lắp thực hiện	7.045.555.087	608.860.175
Thuế GTGT	704.555.509	60.886.017

Công ty Cổ phần thủy điện Nậm He

Doanh thu xây lắp thực hiện	3.826.809.091	4.491.095.455
Thuế GTGT	382.680.909	449.109.545

Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco

Doanh thu bán điện	30.451.116	46.811.772
Thuế GTGT	3.045.112	4.681.177

Công ty Cổ phần Someco Sông Đà

Doanh thu bán điện	24.740.442	272.963.896
Thuế GTGT	2.474.044	8.949.589

Công ty Cổ phần Điện Việt Lào

Cho vay vốn lưu động	795.721.745	
Lãi vay phải thu	55.479.488	

Công ty TNHH Điện Xekaman 3

Giao dịch bán hàng		
Doanh thu bán điện, nước		231.327.305
Giao dịch mua hàng		
Giá vốn tiền điện, tiền mua vật tư	331.348.080	1.957.404.709

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
 HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***BĐH dự án thủy điện Đồng Nai 5*****Giao dịch bán hàng**

Doanh thu giá trị xây lắp thực hiện và doanh thu bán 30.301.301.474 27.513.351.617

Giao dịch mua hàng

Giá vốn phí bảo lãnh tiền ứng 99.829.174

Giá vốn phí tổng thầu 916.356.570

Thuế GTGT 91.635.656

BĐH dự án thủy điện Xê ca mản 1**Giao dịch bán hàng**Doanh thu giá trị xây lắp thực hiện, doanh thu bán 15.478.080.360 11.766.372.284
điện**Giao dịch mua hàng**

Giá vốn tiền dịch vụ được cung cấp 575.629.950

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Sông Đà	364.235.777	451.396.954
BĐH dự án thủy điện Sơn La	2.313.695.893	5.179.940.236
BĐH dự án thủy điện Nậm Chiến	3.328.862.409	
BĐH dự án thủy điện Lai Châu	6.666.793.004	15.863.832.461
BĐH dự án thủy điện Hòa Na	6.824.687.652	6.885.944.282
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.721.566.349	1.885.495.312
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.288.190.538	
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.515.513.403	509.643.101
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.322.745.729	441.538.110
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	87.826.656	
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	480.117.349	166.655.445
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	750.896.912	199.972.674
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	10.386.608	
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	732.354.681	732.354.681
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	50.668.981	189.013.624
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	14.148.868	69.023.332
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7	9.873.227.593	6.401.953.321
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000	816.695.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.347.563	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Xí nghiệ	235.802.032	
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	44.786.104	11.289.876
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	392.572.528	80.335.215
BĐH dự án thủy điện Sêsan 3	24.212.380	
BĐH dự án thủy điện Sêsan 4	2.699.314.734	2.699.314.734
BĐH dự án thủy điện Xê ca mản 1	19.732.582.253	12.755.293.255
BĐH dự án thủy điện Đồng Nai 5	10.322.032.934	15.352.712.100
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	2.061.774.691	976.329.158
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	619.776.818	601.470.101
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	851.201.233	56.100.997
BĐH dự án thủy điện Xê ca mản 3		24.679.031.750
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội		81.659.309
Công ty TNHH Điện Xekaman 1		347.031.232
Cộng nợ phải thu	<u>75.659.506.672</u>	<u>97.434.026.260</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng công ty Sông Đà	9.610.183.159	29.558.812.762
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	665.205.575	3.376.758.427
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	159.147.669	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	150.255.124	403.575.477
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	8.472.109	8.472.109
Công ty TNHH MTV Sông Đà 17	211.948.780	211.948.780
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	383.305.000	
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	2.894.466.265	2.894.466.265
Công ty Cổ phần Sông Đà 5		917.433.660
Công ty Cổ phần Sông Đà 25		1.188.848.749
Công ty Cổ phần Sông Đà 909	5.458.754	
Công ty TNHH MTV Sông Đà 903	80.937.206	
Công ty TNHH Điện Xêkaman 3	188.180.103	
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà		5.592.212.947
Cộng nợ phải trả	<u>14.357.559.744</u>	<u>44.152.529.176</u>

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Nhóm Công ty do các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực ngoài Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.184.226.836.054	160.218.465.662		1.344.445.301.716
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.184.226.836.054</u>	<u>160.218.465.662</u>		<u>1.344.445.301.716</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	185.189.920.092	34.168.964.926		219.358.885.018
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(124.954.148.409)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				94.404.736.609
Doanh thu hoạt động tài chính				1.888.995.815
Chi phí tài chính				(29.556.270.943)
Thu nhập khác				496.928.438

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí khác			(9.645.160.176)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(12.658.091.739)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			45.929.402
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			44.977.067.406
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	12.566.081.462	1.700.112.031	14.266.193.493
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	16.842.798.291	2.278.725.002	19.121.523.293
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	755.292.815.375	115.547.537.388	870.840.352.763
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	755.292.815.375	115.547.537.388	870.840.352.763
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	75.354.199.942	39.846.012.391	115.200.212.333
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(68.391.657.392)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			46.808.554.941
Doanh thu hoạt động tài chính			1.786.248.263
Chi phí tài chính			(27.342.421.344)
Thu nhập khác			2.770.665.935
Chi phí khác			(3.512.726.201)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			841.717.654
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(6.015.054.138)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			30.068.923
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			15.367.054.033

AT
 CH
 CI
 CH
 AT
 T
 /G

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<i>1.256.093.200</i>	<i>3.674.821.848</i>	<i>4.930.915.048</i>
-------------------------------------------------------------------------------------	----------------------	----------------------	----------------------

<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>2.476.151.816</i>	<i>15.031.062.090</i>	<i>17.507.213.906</i>
-------------------------------------------------------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	588.862.789.538	69.447.106.975		658.309.896.513
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				259.876.276.489
Tổng tài sản				918.186.173.002

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	115.238.031.723	73.867.807.641		189.105.839.364
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				439.079.264.082
Tổng nợ phải trả				628.185.103.446

Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	376.970.101.901	40.354.649.569		417.324.751.470
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				474.627.909.089
Tổng tài sản				891.952.660.559

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	273.319.989.176	106.102.329.535		379.422.318.711
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				263.167.619.498
Tổng nợ phải trả				642.589.938.209

Khu vực địa lý

Hoạt động của Nhóm Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	1.278.264.950.831	815.698.674.035
Khu vực nước ngoài	66.180.350.885	55.141.678.728
Cộng	1.344.445.301.716	870.840.352.763

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Tài sản bộ phận lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	14.266.193.493	12.161.857.106	910.437.449.535	842.328.767.811
Khu vực nước ngoài			7.748.723.467	49.623.892.748
Cộng	14.266.193.493	12.161.857.106	918.186.173.002	891.952.660.559

3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm, Nhóm Công ty giảm thời gian khấu hao loại máy móc thiết bị bằng tải rải bê tông từ 5 năm xuống 3 năm và khấu hao phương tiện vận tải các loại xe ô tô trộn bê tông từ 8 năm xuống 6 năm vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao năm nay tăng 178.189.336 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Nhóm Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.417.623.221				110.417.623.221
Phải thu khách hàng	374.900.118.598			80.126.384.050	455.026.502.648
Các khoản cho vay	795.721.745				795.721.745
Các khoản phải thu khác	17.031.507.612				17.031.507.612
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.947.000.000	11.802.000.000			22.749.000.000
Cộng	514.091.971.176	11.802.000.000		80.126.384.050	606.020.355.226

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.062.872.703				76.062.872.703
Phải thu khách hàng	361.067.288.854			24.722.326.546	385.789.615.400
Các khoản phải thu khác	10.113.069.654				10.113.069.654
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.952.000.000	1.500.000.000			24.452.000.000
Cộng	470.195.231.211	1.500.000.000		24.722.326.546	496.417.557.757

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	172.161.965.284	13.692.367.374	29.954.997.644	215.809.330.302
Phải trả người bán	157.356.435.378	15.262.580.255		172.619.015.633
Các khoản phải trả khác	24.664.142.203	6.081.995.811		30.746.138.014
Cộng	354.182.542.865	35.036.943.440	29.954.997.644	419.174.483.949
	Từ 1 năm trở	Trên 1 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	162.361.768.611	23.478.393.197		185.840.161.808
Phải trả người bán	186.942.543.532	21.698.897.441		208.641.440.973
Các khoản phải trả khác	98.558.655.614	2.058.000.000		100.616.655.614
Cộng	447.862.967.757	47.235.290.638		495.098.258.395

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Nhóm Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Nhóm Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	LAK	USD	LAK
Tiền và các khoản tương đương	5.779,88	500.000,00	482,01	500.001,00
Phải trả người bán		(192.997,69)		(678.575.389,59)
Các khoản phải trả khác	(99.890,00)		(100.000,00)	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(94.110,12)	307.002,31	(99.517,99)	(678.075.388,59)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Nhóm Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.400.728.960	74.971.626.122
Vay và nợ	(215.809.330.302)	(185.840.161.808)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(107.408.601.342)	(110.868.535.686)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Nhóm Công ty sẽ giảm/tăng 2.148.172.027 VND (năm/cùng kỳ năm trước giảm/tăng 2.787.602.427 VND)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Nhóm Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Nhóm có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	110.417.623.221		76.062.872.703		110.417.623.221	76.062.872.703
Phải thu khách hàng	455.026.502.648	(65.473.055.495)	385.789.615.400	(9.028.982.728)	389.553.447.153	376.760.632.672
Các khoản cho vay	795.721.745				795.721.745	
Các khoản phải thu khác	17.031.507.612		10.113.069.654		17.031.507.612	10.113.069.654
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.749.000.000	(5.978.350.000)	24.452.000.000	(570.000.000)	16.770.650.000	23.882.000.000
Cộng	606.020.355.226	(71.451.405.495)	496.417.557.757	(9.598.982.728)	534.568.949.731	486.818.575.029

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	215.809.330.302	185.840.161.808	215.809.330.302
Phải trả người bán	172.511.664.903	208.641.440.973	172.511.664.903	208.641.440.973
Các khoản phải trả khác	30.746.138.014	100.616.655.614	30.746.138.014	100.616.655.614
Cộng	419.067.133.219	495.098.258.395	419.067.133.219	495.098.258.395

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Nhóm Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Đỗ Văn Trà

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, toà nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	79.968.970.000	32.546.580.408	(128.058.585)	41.999.284.819	4.694.959.399	33.168.686.170	192.250.422.211
Tăng, giảm do sáp nhập	35.562.080.000	3.641.120.000				15.367.054.033	39.203.200.000
Lợi nhuận trong năm nay				8.070.618.640	1.266.033.080	(10.640.466.098)	15.367.054.033
Trích lập các quỹ trong năm nay						(15.707.855.500)	(1.303.814.378)
Chia cổ tức năm 2012		6.400.000.000		9.853.428.116	1.838.051.052	262.236.816	(15.707.855.500)
Tăng, giảm do thay đổi tỷ lệ lợi ích							18.353.715.984
Số dư cuối năm trước	115.531.050.000	42.587.700.408	(128.058.585)	59.923.331.575	7.799.043.531	22.449.655.421	248.162.722.350
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	42.587.700.408	(128.058.585)	59.923.331.575	7.799.043.531	22.449.655.421	248.162.722.350
Lợi nhuận trong năm						44.977.067.406	44.977.067.406
Trích lập các quỹ				664.538.434	888.000.000	(2.440.538.434)	(888.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận						(13.857.606.000)	(13.857.606.000)
Phát hành cổ phiếu quỹ							106.885.800
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	42.566.527.623	(128.058.585)	60.587.870.009	8.687.043.531	51.128.578.393	278.501.069.556

Đỗ Văn Trà
Người lập biểu

Trần Văn Ngu
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

